

BỘ VẬT TƯ

BỘ TÀI

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU
KINH TẾ VÀ CÔNG NGHỆ QUẢN LÝ

87 - 78 - 008 * KHO LƯU TRỮ 189,5

CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN
ĐỐI VỚI CƠ QUAN QUẢN LÝ VẬT TƯ

Cơ quan chủ trì: Viện Khoa học kỹ thuật và
kinh tế vật tư

Chủ nhiệm đề tài: Vũ Quang Anh

Các cộng tác viên: Nguyễn Khắc Tiệm

Đình Văn Tiên

Trần Thanh Sơn

Vũ Thế Bằng

Lê Quang Duệ

Phạm Văn Trọng

Hoàng Mạnh Đức

Mai Liên

Cơ quan chủ trì Chủ tịch Hội đồng Cơ quan quản
danh giá chính thức A T L Y

Đ. Văn
VIỆN QUẢN LÝ
KINH TẾ
VẬT TƯ

[Signature]
TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU
KINH TẾ VÀ CÔNG NGHỆ QUẢN LÝ

VIỆN TRƯỞNG
Phùng Văn Kim

TRƯỞNG
NGUYỄN VĂN-BỘI

HÀ NỘI

Tháng 6 - 1987

Chính lý, bổ sung tháng 7 - 1988

15/9/95 1895

ĐỀ CƯƠNG NGHIÊN CỨU
(Trích tóm tắt)

Mục tiêu đề tài:

Xác lập những luận điểm, quan điểm... làm cơ sở cho đổi mới cơ chế quản lý vật tư, những nội dung đổi mới chủ yếu và hình thức, cách làm, bước đi trong thời gian trước mắt (tới 1990 và một số năm sau).

Tóm tắt nội dung nghiên cứu:

- Vị trí, vai trò của vật tư trong sản xuất hàng hóa xã hội chủ nghĩa
- Khái niệm cơ chế quản lý vật tư
- Cơ chế quản lý vật tư trong thời gian qua, những kết luận cơ bản
- Hoàn cảnh, tiền đề của đổi mới cơ chế quản lý vật tư
- Mục đích, yêu cầu, quan điểm chung đổi mới cơ chế quản lý vật tư
- Những điểm chủ yếu của nội dung cơ chế quản lý mới
- Hình thức, cách làm, bước đi trong thời gian trước mắt (đến 1990 và một số năm sau).

Chủ nhiệm đề tài	Cơ quan chủ trì đề tài	Cơ quan quản lý đề tài
	Viện KHKT và kinh tế vật tư Viện trưởng	Bộ Vật tư KT. Bộ trưởng Thủ trưởng

Vũ Quang Anh (đã ký)	Phùng Văn Kim (đã ký)	Lại Văn Cứ (đã ký)
-------------------------	--------------------------	-----------------------

LỜI NÓI ĐẦU

Ở năm 1986, Viện Khoa học kỹ thuật và kinh tế vật tư đã có kế hoạch nghiên cứu đổi mới cơ chế quản lý vật tư. Bước đầu đã triển khai ba đề tài nghiên cứu về kế hoạch hóa, lợi nhuận và kinh doanh vật tư xã hội chủ nghĩa.

Đầu năm 1987, theo yêu cầu của Tổ Cơ chế vật tư (thuộc Tiểu ban nghiên cứu đổi mới cơ chế quản lý kinh tế của Đảng), đề tài nghiên cứu "Một số vấn đề cơ bản đổi mới cơ chế quản lý vật tư"(1) này được khẩn trương đăng ký và triển khai, làm cơ sở cho việc xây dựng đề án "Đổi mới cơ chế quản lý vật tư" trình lên Tiểu ban, kịp phục vụ Hội nghị Trung ương Đảng bàn về Cơ chế mới quản lý kinh tế, dự định họp vào giữa năm 1987.

Thực hiện đề tài này, chúng tôi có thuận lợi là được những tư tưởng, quan điểm đổi mới của Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt nam dẫn hướng. Nhưng khó khăn là Cương lĩnh chính trị mới của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước chưa soạn thảo xong. Khó khăn khác là do yêu cầu gấp rút của tổ Cơ chế vật tư cả về thời gian và nội dung các vấn đề cần giải quyết, chúng tôi không chỉ được kết quả nghiên cứu của ba đề tài nói trên, mà lại còn phải đề cập giải quyết trước một số nội dung cơ bản của nhiều vấn đề trong cơ chế quản lý vật tư.

Phương pháp nghiên cứu đề tài này là từ tính

(1) Nói đây đủ thì "Một số vấn đề cơ bản đổi mới cơ chế quản lý kinh tế vật tư". Vì nói tắt cũng không sợ hiểu lầm nên đề tài mang tên trên cho gọn.

hình thực tiễn Việt nam, tiếp thu có chọn lọc các quan điểm, luận điểm mới của các nước xã hội chủ nghĩa anh em về kinh tế xã hội chủ nghĩa, kinh tế vật tư mà đề xuất những vấn đề cơ bản đối mới cơ chế quản lý vật tư ở nước ta, trong đó chú trọng những vấn đề của thời kỳ chuyển tiếp từ cơ chế cũ sang cơ chế mới.

Đề tài có bốn phần:

- Cơ chế quản lý vật tư, thực trạng và nguyên nhân
- Một số quan điểm cơ bản đối mới cơ chế quản lý vật tư
- Những đối mới chủ yếu của cơ chế quản lý vật tư
- Kiến nghị và kết luận.

Vấn đề nghiên cứu thật nan giải mà trình độ lại có hạn.

Xin chân thành cảm ơn các cơ quan trong và ngoài Bộ Vật tư, các đồng chí cộng tác viên, Ban lãnh đạo Bộ Vật tư và Viện Khoa học kỹ thuật và kinh tế vật tư đã giúp đỡ, khích lệ chúng tôi làm đề tài này.

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

Vũ Quang Anh

Phần thứ nhất

CƠ CHẾ QUẢN LÝ VẬT TƯ- THỰC TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Cơ chế trước hết được sử dụng trong các sách báo kỹ thuật, gần đây được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực của khoa học xã hội. Trong lĩnh vực này, cho đến nay trên các sách báo chưa có một định nghĩa thật thống nhất về cơ chế kinh tế, cơ chế quản lý kinh tế. Ở đây chúng tôi hiểu khái niệm cơ chế kinh tế như là cơ thể thống nhất của một nền kinh tế đang hoạt động theo những quy luật vốn có của nó. Còn khái niệm thứ hai dùng để chỉ tác động chủ quan, trong trường hợp này là tác động của quản lý đối với toàn bộ hoạt động của một nền kinh tế.

Cơ chế quản lý nói chung là tổng thể các phương pháp, công cụ, biện pháp mà chủ thể sử dụng để tạo ra các lực, hợp lực tác động vào khách thể để định hướng, khuyến khích, thúc đẩy và bắt buộc khách thể chuyển động theo ý đồ của mình.

Các công cụ, phương pháp, biện pháp chủ thể sử dụng phụ thuộc vào nhận thức khách thể của chủ thể; mục tiêu muốn đạt tới và sự nhận biết các hoàn cảnh, điều kiện chủ quan, khách quan khác của chủ thể.

Trong đề tài này chúng tôi chỉ xem xét những vấn đề sau đây của cơ chế quản lý vật tư: công tác kế hoạch hóa, các chính sách về nguồn, về lưu thông, sử dụng vật tư, hệ thống tổ chức và công tác cán bộ.

Sau đây điểm lại cơ chế quản lý vật tư từ năm 1961 đến 1975 trên những biểu hiện đặc trưng và phân tích kỹ hơn thực trạng, hậu quả và nguyên nhân phát sinh cơ chế quản lý vật tư thời kỳ 1976-1987 trong mối quan hệ

với cơ chế quản lý nền kinh tế quốc dân.

2. Cơ chế quản lý vật tư tập trung hành chính được thể chế hóa trong quyết định 300-TTg ngày 20-7-1961 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó tất cả vật tư cần thiết cho nền kinh tế quốc dân dù giá tiền nhiều hay ít, đều do Nhà nước thống nhất quản lý phân phối. Theo danh mục phân công, các Bộ, các Ủy ban hành chính thành phố, khu, tỉnh trực tiếp mua sắm để cung cấp cho các đơn vị sử dụng theo kế hoạch phân phối của Nhà nước đã được Hội đồng Chính phủ phê chuẩn. Bộ máy của Tổng cục Vật tư cung cấp những vật tư được gọi là "thông dụng", các Cục Vật tư của các bộ, tổng cục khác cung cấp các vật tư được gọi là "chuyên dụng".

Sau sự kiện Vịnh Bắc bộ tháng 8-1964, năm 1965 cả nước chuyển sang trạng thái chiến tranh. Theo yêu cầu của cuộc chiến đấu ngày càng khốc liệt, cơ chế quản lý vật tư trở nên tập trung cao độ. Trung ương nắm chắt các nguồn vật tư, phân phối trực tiếp cho các đơn vị ^{thực} cần thiết, không qua các cấp quản lý hành chính. Nhờ được viện trợ đầy đủ, vật tư được bao cấp qua gia.

Năm 1976, sau khi cuộc kháng chiến kết thúc thắng lợi, cả nước thống nhất, cơ chế quản lý vật tư tập trung hành chính thời kỳ 1961-1964 ở miền Bắc cũng với yếu tố bao cấp qua gia trong thời chiến, được áp dụng cho cả nước. Biểu hiện đặc trưng của cơ chế này là vật tư được cấp phát, giao nộp theo giá thấp thông qua các cấp quản lý hành chính.

Trong những hoàn cảnh và điều kiện mới, đáng chú ý là cơ cấu kinh tế của cả nước có nhiều yếu tố bất hợp lý do hoàn cảnh lịch sử để lại; Kinh tế miền Nam có nhiều yếu tố thị trường hơn và còn nhiều thành phần, địa bàn và lĩnh vực quản lý đột nhiên mở rộng, đất nước dài

mà phương tiện giao thông, liên lạc khó khăn... cơ chế quản lý đó nhanh chóng bộc lộ nhược điểm, trở nên quan liêu, kìm hãm sự phát triển.

Khi nền kinh tế đã mất cân đối nghiêm trọng, hiện tượng suy thoái đã rõ ràng, sau sự kiện năm 1979 nguồn vật tư bên ngoài đột ngột giảm sút, Trung ương đã cho phép "bung ra".

Trong khi giữ nguyên cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp, coi tất cả vật tư là "tài sản quốc gia" mà Nhà nước phải thống nhất quản lý phân phối, lại cho các "địa phương và cơ sở" được phép "đổi lưu", "liên kết", mang hàng đổi hàng hoặc mua bán những vật tư, sản phẩm được gọi là "dư thừa", "ngoài chỉ tiêu, ngoài kế hoạch" theo giá cả thỏa thuận (xem quyết định số 25-CP ngày 21-1-1981 của Hội đồng Bộ trưởng). Giá này cao hơn giá chỉ đạo của Nhà nước hàng chục lần. Trên thực tế đã hình thành thị trường vật tư.

Cơ chế quản lý chấp vá, lại tập xuất hiện, vừa có yếu tố kìm hãm, trì trệ của cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, vừa có yếu tố hỗn loạn của cơ chế thị trường tự phát.

Kế hoạch phân phối vật tư từ chỗ thông qua các cấp quản lý hành chính trở thành chia quyền sở hữu cho cơ quan hành chính các cấp. Các cơ quan hành chính, Ủy ban nhân dân các cấp trở thành những chủ thể "kinh doanh không có tài khoản".

Được cấp phát, giao nộp vật tư, sản phẩm theo giá thấp, thủ trưởng hành chính các cấp nâng giá vật tư theo cách gọi là "thỏa thuận", dùng lệnh phân phối - cắt xén vật tư làm công cụ chi phối, khống chế theo ý đồ chủ quan các đơn vị trực thuộc và cả các đơn vị, cơ quan hữu quan.

Trong tổng thể cơ chế quản lý kinh tế và cùng với cơ chế ấy, cơ chế quản lý vật tư chấp vá, lai tạp đã gây ra tình trạng và đem lại những hậu quả chính sau:

Tình trạng: 1. Vật tư tiêu thiếu nghiêm trọng nhưng sử dụng còn lãng phí và hiệu quả thấp

Định mức tiêu dùng vật tư tăng. Chất lượng vật tư và nhiều loại hàng hóa khác giảm sút, vừa gây lãng phí vật tư, vừa làm thiệt hại lợi ích của người tiêu dùng. Hiện tượng mất mát, ăn cắp vật tư diễn ra nghiêm trọng và công khai. Vật tư chậm luân chuyển, không hợp quy cách hoặc kém phẩm chất để tồn đọng đáng kể và chưa có xu hướng giảm.

2. Lưu thông vật tư rối ren

Tồn tại song song với chế độ cấp phát, giao nộp vật tư của Nhà nước vừa có "thị trường ngầm", vừa có thị trường vật tư công khai tự phát.

Ban thân các tổ chức cung ứng vật tư của Nhà nước cũng tăng lên rất nhiều và nhanh. (Đầu năm 1987 có khoảng 1.200 tổng công ty, công ty vật tư hạch toán độc lập so với 226 đơn vị vào cuối năm 1980).

Các tổ chức đó hoạt động trùng lặp, vô ích, trong đó nhiều tổ chức cung ứng vật tư chủ chốt của Trung ương bị gò bó, chịu bị động, thua lỗ. Nhiều tổ chức hoạt động lệch hướng, lấy kiếm lời bằng việc tùy tiện nâng giá mang tính đầu cơ làm mục tiêu hoạt động, "đổi lưu", "liên kết", "tự tạo" vật tư quay quanh nguồn vật tư chủ lực của Trung ương, cơ kéo chúng chạy vòng vèo, đẩy chi phí lưu thông toàn xã hội lên cao.

Nguồn vật tư quan trọng nhập khẩu và sản xuất chiếm khối lượng lớn nhất vốn dĩ tập trung trong tay Nhà nước Trung ương, nhưng Trung ương khó điều khiển tập trung vào các mục tiêu trọng điểm. Vật tư đi vào quỹ đạo và mục tiêu của kế hoạch Nhà nước một cách quanh co, tốn kém phí lý.

Vật tư bị phân tán ngay từ khâu kế hoạch đến quản lý và tổ chức lưu thông. Ngay ở Trung ương cũng có 24-26 bộ, tổng cục được phân công quản lý cung ứng vật tư.

Các đơn vị có nhu cầu vật tư chính đáng, nhất là các xí nghiệp quốc doanh, ngày càng gặp nhiều khó khăn, vất vả, phen hà, tốn kém trong việc "chạy" vật tư. Trong kế hoạch, đi đường thẳng thì nhiều khi không có, hoặc không lấy được vật tư. Nhưng "ngoài kế hoạch", "ngang tắt" thì vẫn có, vẫn lấy được vật tư. Tất nhiên là phải trả giá cao hơn giá Nhà nước, có khi tới hàng chục lần.

3. Tình trạng ngân sách cầm chợ, cục bộ, cắt cứ địa phương phát triển

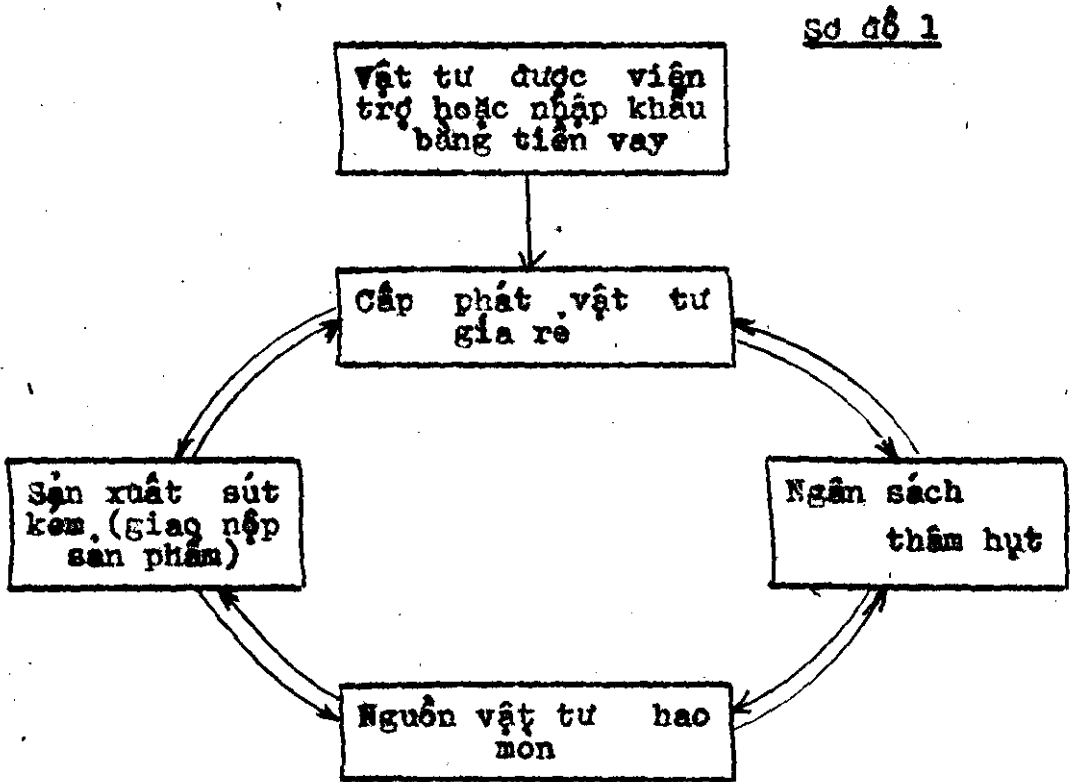
Việc chủ trương cho các địa phương tự cân đối ngân sách và trong phân cấp quản lý kinh tế cho địa phương có sự nhầm lẫn, hòa nhập chức năng, nhiệm vụ của chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh, huyện với chức năng, nhiệm vụ của tổng giám đốc các liên hiệp sản xuất, kinh doanh, đã làm tăng trưởng tình trạng trên.

Hậu quả của cơ chế quản lý chấp vá, lai tạp là:

1. Về kinh tế: Nguồn vật tư của đất nước bị sói mòn, kinh tế quốc doanh suy sút, ngân sách Nhà nước thâm hụt, thúc đẩy bội chi ngân sách, góp phần tăng lạm phát. Không những thiếu hụt vật tư nhập khẩu, mà thiếu cả vật tư

sản xuất trong nước, kể cả vật tư là nông sản.

Có thể mô tả chu trình dẫn đến thiếu hụt vật tư của cơ chế quản lý hiện hành với thực trạng nguồn vật tư hiện nay bằng sơ đồ sau:



Vòng luẩn quẩn trên càng quay càng xiết chặt, tình hình càng trở nên nghiêm trọng.

2. Về mặt chính trị: Cơ chế quản lý kinh tế nói chung và cơ chế quản lý vật tư nói riêng chấp vá, lai tạp không đảm bảo lợi ích của nhân dân cùng với thể chế dân chủ hình thức đã làm cho nhân dân thờ ơ với kế hoạch Nhà nước, không quan tâm đến lợi ích chung, trách nhiệm chung, lãnh đạo với tài sản xã hội chủ nghĩa. Khối đoàn kết nhân dân các dân tộc và liên minh công nông bị suy yếu. Xã hội bị phân hóa theo hướng nguy hiểm: nhân dân lao động